NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2013/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc thẩm định khoản phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước, xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế, xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện việc phát hành trái phiếu quốc tế.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế không được Chính phủ bảo lãnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trái phiếu quốc tế là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành trên thị trường tài chính quốc tế.

2. Doanh nghiệp bao gồm các công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi là ngân hàng thương mại nhà nước) là ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng, do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

5. Khoản phát hành là khoản vay nước ngoài trung, dài hạn dưới hình thức phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

6. Xác nhận hạn mức phát hành là việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là "Ngân hàng Nhà nước") xác nhận bằng văn bản trị giá khoản phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm.

7. Đăng ký khoản phát hành là việc doanh nghiệp thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước khoản vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu quốc tế.

8. Xác nhận đăng ký khoản phát hành là việc Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký khoản phát hành theo quy định tại Thông tư này.

9. Xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành là việc Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký thay đổi khoản phát hành khi có sự thay đổi đối với các nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký khoản phát hành.

10. Tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài là tài khoản ngoại tệ do doanh nghiệp mở tại một (01) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép để thực hiện khoản phát hành.

11. Đại diện bên cho vay là tổ chức đại diện cho các trái chủ nước ngoài về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện các nội dung liên quan đến trái phiếu do doanh nghiệp phát hành.

Điều 3. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế

1. Tuân thủ các quy định về điều kiện phát hành, xây dựng phương án phát hành, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành, tổ chức phát hành và thực hiện các nội dung liên quan đến việc phát hành trái phiếu theo quy định của Chính phủ về phát hành trái phiếu quốc tế, các quy định của pháp luật về chứng khoán, quản lý ngoại hối, các quy định khác của pháp luật hiện hành và phù hợp với luật pháp quốc tế khi thực hiện phát hành trái phiếu quốc tế.

2. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ đợt phát hành phù hợp với mục đích của phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Mở và sử dụng tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại một (01) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép để thực hiện khoản phát hành. Doanh nghiệp chỉ được rút vốn từ khoản phát hành trái phiếu quốc tế để sử dụng cho các mục đích đã được phê duyệt tại phương án phát hành sau khi được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký. Trường hợp cần mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản phát hành, doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với người cư trú là tổ chức kinh tế.

4. Tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu quốc tế chuyển đổi hoặc trái phiếu quốc tế kèm theo chứng quyền phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Doanh nghiệp (không phải là tổ chức tín dụng) phát hành trái phiếu quốc tế chuyển đổi hoặc trái phiếu quốc tế kèm theo chứng quyền phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán, đầu tư; đảm bảo quy định về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài, chế độ báo cáo, công bố thông tin và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyền mua ngoại tệ

Doanh nghiệp được quyền mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép để thanh toán nợ gốc, lãi của trái phiếu và các loại phí liên quan đến khoản phát hành trên cơ sở xuất trình các chứng từ, văn bản chứng minh nhu cầu thanh toán theo quy định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Điều 5. Quy trình xác nhận hạn mức, thẩm định phương án phát hành, đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế

1. Đối với ngân hàng thương mại nhà nước:

a) Sau khi xây dựng và phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế đáp ứng quy định tại Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 90/2011/NĐ-CP), ngân hàng thương mại nhà nước gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại Chương III Thông tư này;

b) Sau khi được xác nhận hạn mức phát hành, ngân hàng thương mại nhà nước gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) hồ sơ đề nghị thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại Chương II Thông tư này;

c) Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận phương án phát hành trái phiếu quốc tế, ngân hàng thương mại nhà nước gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản phát hành theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

2. Đối với doanh nghiệp nhà nước không phải là ngân hàng thương mại nhà nước:

a) Sau khi xây dựng và phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế đáp ứng quy định tại Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP, doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại Chương III Thông tư này;

b) Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận phương án phát hành trái phiếu quốc tế, doanh nghiệp nhà nước gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản phát hành theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

3. Đối với doanh nghiệp khác:

a) Sau khi xây dựng và phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế đáp ứng quy định tại Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP, doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại Chương III Thông tư này;

b) Doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản phát hành theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

Chương II

THỦ TỤC THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC

Điều 6. Thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước

Ngân hàng Nhà nước thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

Điều 7. Thời điểm đề nghị thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế

Sau khi được Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế, ngân hàng thương mại nhà nước gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng) một (01) bộ hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế

Hồ sơ đề nghị thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế bao gồm:

1. Văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế.

2. Bản sao phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP.

3. Bản sao văn bản phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP.

4. Bản sao Báo cáo tài chính được kiểm toán của ngân hàng thương mại nhà nước trong ba (03) năm liên tiếp liền kề trước năm phát hành.

5. Báo cáo của ngân hàng thương mại nhà nước về việc đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn và các giới hạn theo quy định tại Điều 128, Điều 129 và Điều 130 Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế; tác động của khoản phát hành và việc sử dụng vốn từ nguồn vốn phát hành trái phiếu đối với việc đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn và các giới hạn nêu trên của ngân hàng thương mại nhà nước.

6. Báo cáo, đánh giá hệ số tín nhiệm theo quy định tại Điểm đ) Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP.

7. Báo cáo về việc đảm bảo tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trong ngân hàng thương mại nhà nước theo quy định tại Điểm b) Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP (áp dụng đối với ngân hàng thương mại nhà nước phát hành trái phiếu quốc tế chuyển đổi hoặc trái phiếu quốc tế kèm theo chứng quyền).

Điều 9. Trình tự thực hiện thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu quốc tế

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không

đầy đủ, không hợp lệ hoặc trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại nhà nước sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế.

a) Trường hợp phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại Nghị định số 90/2011/NĐ-CP, các quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Ngân hàng Nhà nước gửi ngân hàng thương mại nhà nước văn bản thông báo về việc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước;

b) Trường hợp phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước chưa đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại Nghị định số 90/2011/NĐ-CP, các quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Ngân hàng Nhà nước có thông báo bằng văn bản.

Chương III
XÁC NHẬN HẠN MỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

Điều 10. Hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức phát hành

1. Đối với doanh nghiệp là ngân hàng thương mại nhà nước, hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức phát hành bao gồm:

a) Đơn đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP;

c) Bản sao văn bản phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP;

2. Đối với doanh nghiệp không phải là ngân hàng thương mại nhà nước, hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức gồm:

a) Đơn đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này);

b) Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy phép thành lập doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật và các bản sửa đổi (nếu có);

c) Bản sao phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP;

d) Bản sao văn bản phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP;

đ) Bản sao được chứng thực từ bản chính văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật đối với các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp; kế hoạch tăng quy mô vốn hoạt động; cơ cấu lại khoản nợ của doanh nghiệp sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu quốc tế.

e) Bản sao Báo cáo tài chính được kiểm toán của doanh nghiệp trong ba (03) năm liên tiếp liền kề trước năm phát hành;

g) Báo cáo, đánh giá hệ số tín nhiệm theo quy định Điểm đ) Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011;

h) Báo cáo về các nội dung liên quan đến việc đáp ứng quy định về đảm bảo tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trong doanh nghiệp theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP (áp dụng đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế chuyển đổi hoặc trái phiếu quốc tế kèm theo chứng quyền);

i) Báo cáo về việc đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn và các giới hạn theo quy định tại Điều 128, Điều 129 và Điều 130 Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/ 2010 và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đề nghị xác nhận hạn mức phát hành (áp dụng đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng);

k) Báo cáo về các nội dung liên quan đến việc đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về đảm bảo an toàn trong hoạt động đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại pháp luật chuyên ngành (áp dụng đối với doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng).

Điều 11. Trình tự thực hiện xác nhận hạn mức phát hành

1. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước gửi doanh nghiệp văn bản xác nhận hạn mức phát hành. Trường hợp từ chối xác nhận hạn mức phát hành, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Chương IV
ĐĂNG KÝ KHOẢN PHÁT HÀNH

Điều 12. Hồ sơ đăng ký khoản phát hành

1. Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao được chứng thực từ bản chính văn bản thông báo kết quả thẩm định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với phương án phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp (áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước).

3. Bản sao được chứng thực từ bản chính văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với phương án phát hành trái phiếu quốc tế (áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước).

4. Bản sao được chứng thực từ bản chính văn bản thông báo ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (áp dụng đối với doanh nghiệp là công ty đại chúng phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền).

5. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của doanh nghiệp) đối với:

a) Hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc hợp đồng mua bán trái phiếu;

b) Hợp đồng quy định về tổ chức là đại diện bên cho vay (nếu có);

c) Các thỏa thuận đại lý tùy theo cấu trúc của đợt phát hành;

d) Hợp đồng tư vấn phát hành;

6. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của doanh nghiệp) các hợp đồng hoặc thỏa thuận khác (nếu có) mà doanh nghiệp ký với bên nước ngoài ràng buộc nghĩa vụ trả phí liên quan đến khoản phát hành của doanh nghiệp.

Điều 13. Trình tự thực hiện đăng ký khoản phát hành

1. Sau khi lựa chọn các tổ chức bảo lãnh phát hành, các đại lý và tư vấn pháp lý, doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này để đăng ký khoản phát hành.

Đối với các tài liệu quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 12 Thông tư này, doanh nghiệp gửi các bản dự thảo lần cuối đã quy định chi tiết các điều kiện có liên quan của trái phiếu.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ, bổ sung hoặc chỉnh sửa nội dung có liên quan,

Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đăng ký khoản phát hành.

3. Khi thực hiện đợt phát hành, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đăng ký khoản phát hành trái phiếu với các tài liệu sau:

a) Đơn đăng ký khoản phát hành (theo Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của doanh nghiệp) của các tài liệu quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 12 Thông tư này.

Điều 14. Thời gian xác nhận đăng ký khoản phát hành

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét, xác nhận đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ với các trường hợp sau:

a) Các hợp đồng, thỏa thuận ký chính thức phù hợp với các dự thảo lần cuối đã gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này;

b) Các hợp đồng, thỏa thuận ký chính thức có nội dung khác với các dự thảo lần cuối đã gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này, nội dung các hợp đồng, thỏa thuận ký chính thức đảm bảo không trái với quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp này, doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản báo cáo rõ các nội dung liên quan.

2. Trường hợp không đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, trong hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ đăng ký khoản phát hành.

Điều 15. Sao gửi văn bản xác nhận đăng ký khoản phát hành

Ngân hàng Nhà nước sao gửi văn bản xác nhận đăng ký khoản phát hành của doanh nghiệp cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) để phối hợp theo dõi và quản lý hoạt động vay, trả nợ của doanh nghiệp thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế.

Chương V
ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN PHÁT HÀNH

Điều 16. Đăng ký thay đổi khoản phát hành

Trường hợp phát sinh thay đổi so với các nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký khoản phát hành, trước khi thực hiện nội dung thay đổi, doanh nghiệp có trách nhiệm đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký các thỏa thuận thay đổi hoặc ngày các bên liên quan thông báo việc thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.

Điều 17. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành

1. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành bao gồm:

a) Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 03 kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của doanh nghiệp) các thỏa thuận thay đổi đã ký;

c) Văn bản thông báo việc thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (áp dụng đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế chuyển đổi);

d) Bản sao văn bản đồng ý của cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp đối với nội dung thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế.

2. Trường hợp nội dung thay đổi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành đồng ý nguyên tắc khi phê duyệt phương án phát hành hoặc nội dung thay đổi phù hợp theo quy định của pháp luật mà không buộc phải ký kết chính thức bằng văn bản giữa các bên, hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành bao gồm:

a) Các tài liệu nêu tại Điểm a, c Khoản 1 Điều này;

b) Văn bản của doanh nghiệp giải trình rõ về nội dung thay đổi khoản phát hành.

Điều 18. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành

1. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 17 Thông tư này. Trong thời gian tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản đồng ý hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo lý do.

2. Trường hợp cần thêm thông tin để có đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của doanh nghiệp.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC PHÉP

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép

1. Mở tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài theo đề nghị của doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế.

2. Thực hiện việc nhận tiền thu được từ khoản phát hành; chuyển tiền thanh toán phí phát hành trái phiếu và chuyển tiền thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp trên cơ sở văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản phát hành (nếu có), các thỏa thuận hoặc hợp đồng doanh nghiệp ký với các bên liên quan đến đợt phát hành trái phiếu quốc tế do doanh nghiệp xuất trình.

3. Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các tài liệu liên quan, đảm bảo thực hiện đúng các giao dịch của khoản phát hành đã đăng ký, đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thống kê các giao dịch rút vốn, trả nợ phát sinh và số dư của khoản vay thông qua phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp, thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

5. Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định hiện hành về vay, trả nợ nước ngoài, quản lý ngoại hối đối với việc vay nước ngoài thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế, kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Chương VII
YÊU CẦU BÁO CÁO, CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Chế độ báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế

1. Chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành và nhận tiền bán trái phiếu, doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính báo cáo kết quả phát hành.

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, sao gửi Ngân hàng Nhà nước tình hình thực hiện khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 04 kèm theo Thông tư này). Thời hạn báo cáo như sau:

a) Đối với báo cáo quý: chậm nhất ngày 10 của tháng đầu tiên trong quý tiếp theo;

b) Đối với báo cáo năm: chậm nhất ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. Định kỳ hàng năm, chậm nhất ngày 31 tháng 01, doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế là ngân hàng thương mại nhà nước có trách nhiệm gửi Ngân hàng Nhà nước báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu và tình hình sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu của năm trước liền kề.

4. Chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán toàn bộ gốc, lãi trái phiếu, doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước, sao gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính báo cáo về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu và tình hình sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế.

5. Trường hợp phát hành trái phiếu quốc tế chuyển đổi hoặc trái phiếu quốc tế kèm theo chứng quyền, trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo chứng quyền, doanh nghiệp phát hành báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP.

6. Trường hợp đột xuất, doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 21. Chế độ báo cáo đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép

1. Định kỳ hàng tháng, hàng năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi doanh nghiệp mở tài khoản để thực hiện khoản phát hành có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước tình hình thực hiện khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp (theo Phụ lục 05 kèm theo Thông tư này). Thời hạn báo cáo như sau:

a) Đối với báo cáo tháng: chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo;

b) Đối với báo cáo năm: chậm nhất ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

2. Trường hợp đột xuất, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Làm đầu mối tổng hợp ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt việc thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước;

b) Thông báo ý kiến thẩm định của Ngân hàng Nhà nước đối với phương án phát hành của ngân hàng thương mại nhà nước;

c) Trình Thống đốc ký văn bản trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước;

d) Thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm việc sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế và việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan khi thực hiện khoản phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước.

đ) Thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về việc tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối đối với các hoạt động liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Quản lý Ngoại hối

a) Thực hiện xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp;

b) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc tham gia ý kiến đối với phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước;

c) Xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp;

d) Tổng hợp kế hoạch phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp để phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng hạn mức vay thương mại hàng năm của quốc gia;

đ) Tổng hợp số trả nợ gốc, lãi trái phiếu quốc tế để theo dõi tình hình vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 19/2011/TT-NHNN ngày 24/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

3. Bãi bỏ các quy định sau đây của Thông tư số 18/2011/TT-NHNN ngày 23/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay trung, dài hạn nước ngoài của các ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước: khoản 4 Điều 3; khoản 3 Điều 4; các quy định về phát hành trái phiếu quốc tế tại khoản 4 Điều 2, khoản 6 Điều 2, khoản 1 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 13, điểm c khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 2 Điều 13, điểm a khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 4 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 13.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra giám sát Ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép; Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế trong phạm vi chức năng của mình chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Lê Minh Hưng

Phụ lục 01

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:……/…..	
V/v đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HẠN MỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày..../...../2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ vào Phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được…….. phê duyệt, thẩm định tại Văn bản số…… ngày…./…./….

[*Tên Doanh nghiệp phát hành*] đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp như sau:

I. Thông tin về Bên đi vay (là doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế):

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax:
4. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:
5. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số…… do…….. cấp ngày……..
6. Phạm vi hoạt động theo đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp:
7. Vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp) của doanh nghiệp:
8. Loại hình doanh nghiệp (xác định theo các văn bản thành lập doanh nghiệp):
9. Tình hình dư nợ tại thời điểm hiện tại:

- Dư nợ vay ngắn hạn nước ngoài: (trong đó quá hạn:.....)
- Dư nợ vay ngắn hạn trong nước: (trong đó quá hạn:.....)
- Dư nợ vay trung, dài hạn nước ngoài: (trong đó quá hạn:.....)
- Dư nợ vay trung, dài hạn trong nước: (trong đó quá hạn:.....)

II. Thông tin về Phương án phát hành trái phiếu quốc tế

1. Tổng trị giá phát hành:

2. Mục đích phát hành (nêu rõ từng dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành; các văn bản phê duyệt có liên quan theo quy định của pháp luật):

3. Hình thức, loại tiền và thị trường phát hành:

4. Dự kiến thời điểm phát hành:

5. Các văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành:

III. Đề nghị

Trên cơ sở nội dung Phương án phát hành trái phiếu quốc tế, [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, xác nhận trị giá phát hành trái phiếu quốc tế của [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia năm [...].

[*Tên Doanh nghiệp phát hành*] cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành khi thực hiện việc vay vốn nước ngoài thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 02

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……/…..	
V/v đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../...../2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ vào phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được…….. phê duyệt, chấp thuận tại các Văn bản số…… ngày…./…./….

[*Tên Doanh nghiệp phát hành*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp như sau:

Phần thứ nhất
THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về Bên đi vay (là doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế):

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax:

4. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:

5. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số…… do…….. cấp ngày……..

II. Thông tin về đại diện Bên cho vay (trường hợp doanh nghiệp lựa chọn cấu trúc phát hành có đơn vị đại diện các trái chủ nước ngoài)

1. Tên đại diện Bên cho vay:

2. Địa chỉ:

3. Loại hình đại diện Bên cho vay:

III. Thông tin về các Bên liên quan:

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành (Ghi rõ tên, địa chỉ của từng tổ chức bảo lãnh phát hành nếu có nhiều đơn vị cùng bảo lãnh phát hành):

2. Các Đại lý có liên quan (ghi rõ tên, địa chỉ của từng Đại lý liên quan đến đợt phát hành như Đại lý niêm yết, Đại lý ủy thác, Đại lý thanh toán, Đại lý chuyển nhượng, Tổ chức lưu ký và thanh toán bù trừ…):

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

3.1. Tên, địa chỉ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

3.2. Số tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài mở tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

4. Các bên liên quan khác (ghi rõ tên, địa chỉ, liên quan):

Phần thứ hai
THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

1. Tổng trị giá phát hành:

2. Mục đích phát hành (nêu rõ từng dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành; các văn bản phê duyệt liên quan theo quy định của pháp luật):

3. Hình thức, loại tiền và thị trường phát hành:

4. Thời điểm phát hành:

5. Phương án sử dụng nguồn vốn phát hành:

6. Các văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành (nêu rõ các văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp).

Phần thứ ba
THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổng số tiền phát hành:

1.1. Bằng số:

1.2. Bằng chữ:

2. Đồng tiền phát hành:

3. Ngày phát hành:

4. Ngày đáo hạn:

5. Lãi suất:

6. Các loại phí liên quan đến đợt phát hành (đề nghị nêu rõ tên từng loại phí, mức phí hoặc cách tính phí, ngày thanh toán hoặc kế hoạch thanh toán…):

7. Điều kiện bảo lãnh:

8. Điều kiện về chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền (nếu có):

8.1. Thời gian chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền:

8.2. Điều kiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền:

9. Kế hoạch thu tiền bán trái phiếu:

10. Kế hoạch thanh toán (gốc, lãi, phí) trái phiếu:

11. Các điều kiện khác (nếu có):

(Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

Phần thứ tư
CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế của [*Tên Doanh nghiệp phát hành*].

2. [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc huy động vốn nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……/…..	
V/v đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../...../2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ vào Phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được…….. phê duyệt tại Văn bản số…… ngày…./…./…;

Căn cứ vào hợp đồng, thỏa thuận sửa đổi ngày..../...../....;

[*Tên Doanh nghiệp phát hành*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nội dung thay đổi khoản vay nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế như sau:

I. BÊN PHÁT HÀNH:

1. Tên Doanh nghiệp:

2. Các văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp (ghi rõ số, ngày của tất cả các văn bản này):

II. NỘI DUNG THAY ĐỔI:

Đối với từng nội dung thay đổi, ghi rõ: (i) Nội dung được thỏa thuận hiện tại (đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký); (ii) Nội dung thay đổi tương ứng; và (iii) Lý do thay đổi.

III. KIẾN NGHỊ:

[*Tên Doanh nghiệp phát hành*] đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định hiện hành của pháp luật.

IV. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành này và các tài liệu kèm theo trong hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của [*Tên Doanh nghiệp phát hành*].

2. [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh ngoại hối; Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn thực hiện các Nghị định và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc huy động vốn nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)

Tên Doanh nghiệp báo cáo
Địa chỉ, điện thoại, fax:

Phụ lục 04

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

Kính gửi: - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TỈNH, THÀNH PHỐ… (NƠI DOANH NGHIỆP CÓ TRỤ SỞ CHÍNH)
- NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

Đơn vị: nghìn nguyên tệ

STT	Số Tài khoản - Nơi mở TK	Tổng trị giá phát hành	Thị trường niêm yết	Đồng tiền phát hành	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ				Số dư cuối kỳ		Kế hoạch trả nợ kỳ tới	
					Tổng số	Trong đó quá hạn nợ gốc	Số rút vốn trong kỳ	Số thanh toán			Tổng số	Trong đó quá hạn nợ gốc	Gốc	Lãi
								Gốc	Lãi	Phí				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tổng cộng (Quy nghìn USD)														

…., ngày…. tháng…. năm……

LẬP BIỂU	**KIỂM SOÁT**	**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

1. Đối tượng áp dụng: Áp dụng với doanh nghiệp (bao gồm cả tổ chức tín dụng) thực hiện phát hành trái phiếu quốc tế

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 tháng đầu tiên trong quý tiếp theo (đối với báo cáo quý) và chậm nhất ngày 31/01 năm tiếp theo (đối với báo cáo năm)

3. Kỳ báo cáo: Hàng quý, hàng năm

4. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản

Hướng dẫn lập báo cáo:

(2) Số Tài khoản vốn vay, trả nợ mở tại *[Tên TCTD, CN ngân hàng nước ngoài được phép]* để thực hiện khoản phát hành. Báo cáo theo từng khoản phát hành tương ứng với từng tài khoản mở tại TCTD, CN ngân hàng nước ngoài.

(3) Tổng trị giá phát hành: Tổng số tiền phát hành trái phiếu

(4) Thị trường mà doanh nghiệp đăng ký niêm yết trái phiếu quốc tế

(5) Đồng tiền phát hành và trả nợ trái phiếu

(6) Số dư đầu kỳ: Tổng dư nợ của trái phiếu tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

(7) Quá hạn: Tổng số nợ gốc quá hạn tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

(8) Số rút vốn trong kỳ báo cáo: Số tiền bán trái phiếu Doanh nghiệp thu về khi thực hiện đợt phát hành trái phiếu.

(9), (10) Số trả nợ gốc, lãi trái phiếu trong kỳ báo cáo.

(11) Số trả phí phát sinh trong kỳ báo cáo liên quan đến việc phát hành trái phiếu

(12) Số dư cuối kỳ: Tổng dư nợ trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

(13) Quá hạn: Tổng số nợ gốc quá hạn tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

(14), (15): Kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu dự kiến phát sinh trong quý tiếp theo của quý báo cáo.

Mối liên hệ giữa các cột trong báo cáo:

Cột (12) = Cột (6) + Cột (8) - Cột (9)

Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo
Địa chỉ, điện thoại, fax:

Phụ lục 05

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP THÔNG QUA PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

Đơn vị: 1000 USD

STT	Tên Doanh nghiệp phát hành	Số tài khoản thực hiện phát hành TPQT	Tổng trị giá phát hành		Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
			Nguyên tệ (Nghìn)	Quy USD (Nghìn)	Tổng số	Trong đó quá hạn nợ gốc	Số rút vốn trong kỳ	Số trả nợ			Tổng số	Trong đó quá hạn nợ gốc
								Gốc	Lãi	Phí		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG												

...., ngày..... tháng..... năm.....

LẬP BIỂU	**KIỂM SOÁT**	**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TCTD, CN NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

1. Đối tượng áp dụng: Áp dụng với TCTD, CN ngân hàng nước ngoài được phép nơi có doanh nghiệp mở tài khoản vốn vay, trả nợ nước ngoài để thực hiện khoản phát hành TPQT

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo (đối với báo cáo tháng) và chậm nhất ngày 31/01 năm tiếp theo (đối với báo cáo năm)

3. Kỳ báo cáo: Hàng tháng, hàng năm

4. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản

Hướng dẫn lập báo cáo:

(2) Tên doanh nghiệp sử dụng tài khoản vốn vay, trả nợ mở tại TCTD, CN ngân hàng nước ngoài được phép để thực hiện khoản phát hành TPQT

(3) Số tài khoản vốn vay, trả nợ nước ngoài doanh nghiệp mở tại TCTD, CN ngân hàng nước ngoài được phép để thực hiện phát hành TPQT

(4) Tổng trị giá khoản phát hành theo loại tiền được quy định tại Hợp đồng mua - bán trái phiếu

(5) Tổng trị giá khoản phát hành được quy đổi theo đô la Mỹ theo tỷ giá tại ngày làm báo cáo

(6) Số dư đầu kỳ: Tổng số dư nợ tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

(7): Tổng số nợ gốc quá hạn tại thời điểm đầu kỳ báo cáo,

(8) Số rút vốn trong kỳ báo cáo

(9) Số trả nợ gốc trong kỳ báo cáo.

(10) Số trả nợ lãi trong kỳ báo cáo

(11) Số trả phí trong kỳ báo cáo

(12) Số dư cuối kỳ: Tổng dư nợ tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

(13) Số dư cuối kỳ: Tổng số dư nợ quá hạn tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Mối liên hệ giữa các cột trong báo cáo

Cột (12) = Cột (6) + Cột (8) - Cột (9)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng